

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 494/2019/DS-ST
Ngày: 21/8/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Huỳnh Tiến Dũng

2/- Bà Bùi Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyên Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2019/TLST- DS ngày 20 tháng 3 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 309/2019/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 190/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc D - sinh năm: 1980

Thường trú: 649/56/1 Điện Biên Phủ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn N là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 14/02/2019)

Thường trú: 347/10A Bùi Đình Túy, phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: 297/25 Bùi Đình Túy, phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung C – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH TC – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Nhật Q – sinh năm: 1972

Thường trú: 99/17/7 Đường V, khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và quá trình tranh tụng tại tòa, ông Nguyễn Ngọc D là nguyên đơn trình bày: Do có mối quan hệ là thầy trò nên vào năm 2010 ông D có cho ông Lê Nhật Q vay tiền làm nhiều lần, những lần vay ông Q đều trả cho ông đầy đủ và đúng hạn. Đến ngày 23/4/2018 hai bên chốt lại số tiền ông Q còn nợ ông D, sau đó ông D và ông Q cùng ký hợp đồng vay vốn cụ thể số tiền ông Q vay của ông D là 2.400.000.000 đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng), lãi suất cho vay là 2%/ tháng, thời hạn vay hai bên không có thỏa thuận, tuy nhiên cả hai có thống nhất trong vòng một tháng nếu bên ông D thông báo thu hồi nợ số tiền gốc hoặc một phần số tiền gốc. Thực hiện hợp đồng vay vốn nêu trên ông Q chỉ mới trả cho ông D được 36.000.000 đ (Ba mươi sáu triệu đồng) tiền lãi sau đó ngưng không thanh toán cho đến nay. Mặc dù ông D đã nhiều lần yêu cầu ông Q thanh toán tiền lãi và trả lại cho ông tiền gốc bằng điện thoại và gửi thư thông báo nhưng ông Q không thực hiện. Vào ngày 09/3/2019 ông D đã làm thông báo thu hồi nợ và tiến hành lập vi bằng niêm yết công khai tại nhà của ông Q vào ngày 09/3/2019. Do ông Q không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nên ông D có đơn khởi kiện.

Tại Tòa ông D xác định ông Lê Nhật Q còn nợ ông D số tiền đã vay, do đó ông D yêu cầu ông Lê Nhật Q phải trả cho ông D một lần số tiền vốn gốc 2.400.000.000 đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi tạm tính tới ngày khởi kiện như sau:

- Số tiền $600.000.000 \text{ đ} \times 2\%/\text{tháng} \times 11 \text{ tháng}$ (tính từ ngày 03/5/2018) = 132.000.000 đ (Một trăm ba mươi hai triệu đồng);
- Số tiền $1.100.000.000 \text{ đ} \times 2\%/\text{tháng} \times 09 \text{ tháng}$ (tính từ ngày 21/5/2018) = 198.000.000 đ (Một trăm chín mươi tám triệu đồng);
- Số tiền $400.000.000 \text{ đ} \times 2\%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng}$ (tính từ ngày 04/6/2018) = 64.000.000 đ (Sáu mươi bốn triệu đồng);
- Số tiền $300.000.000 \text{ đ} \times 2\%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng}$ (tính từ ngày 14/6/2018) = 48.000.000 đ (Bốn mươi tám triệu đồng).

Như vậy tổng số tiền gốc và lãi tạm tính mà ông Lê Nhật Q phải thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc D một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là

$2.400.000.000 \text{ đ} + 132.000.000 \text{ đ} + 198.000.000 \text{ đ} + 64.000.000 \text{ đ} + 48.000.000 \text{ đ} = 2.842.000.000 \text{ đ}$ (Hai tỷ tám trăm bốn mươi hai triệu đồng).

Ông D xác định số tiền trên là của cá nhân ông D không liên quan gì đến ai và ông D cho cá nhân ông Lê Nhật Q vay nên ông D chỉ yêu cầu cá nhân ông Q có trách nhiệm trả cho ông D toàn bộ số tiền nêu trên, ngoài ra ông D không có yêu cầu ai khác cùng chịu trách nhiệm trả nợ với ông Q và khi vay tiền ông Q không có thể chấp tài sản.

Ông Lê Nhật Q là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để đến Tòa giải quyết vụ kiện nhưng ông Q vắng mặt không có lý do theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Nhật Q

Tại phiên Tòa ông Lê Văn N là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc D vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, tuy nhiên về số tiền lãi có thay đổi cụ thể ông D chỉ yêu cầu cá nhân ông Lê Nhật Q phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông D số tiền vốn gốc là 2.400.000.000 đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm nhưng chỉ tính mức lãi suất 1,5%/ tháng, cụ thể tiền lãi được tính tròn tháng như sau:

- Số tiền $600.000.000 \text{ đ} \times 1,5\%/tháng \times 15 \text{ tháng}$ (tính từ ngày 03/5/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2019) = 135.000.000 đ (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng);

- Số tiền $1.100.000.000 \text{ đ} \times 1,5\%/tháng \times 15 \text{ tháng}$ (tính từ ngày 21/5/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2019) = 247.500.000 đ (Hai trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng);

- Số tiền $400.000.000 \text{ đ} \times 1,5 \%/tháng \times 14 \text{ tháng}$ (tính từ ngày 04/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2019) = 84.000.000 đ (Tám mươi bốn triệu đồng).

- Số tiền $300.000.000 \text{ đ} \times 1,5\%/tháng \times 14 \text{ tháng}$ (tính từ ngày 14/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2019) = 63.000.000 đ (Sáu mươi ba triệu đồng).

Tổng số tiền lãi là 529.500.000 đ ông D đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận là 36.000.000 đ còn lại: 493.500.000 đ (Bốn trăm chín mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Như vậy tổng số tiền gốc và lãi mà ông Lê Nhật Q phải thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc D một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là $2.400.000.000 \text{ đ} + 493.500.000 \text{ đ} = 2.893.500.000 \text{ đ}$ (Hai tỷ tám trăm chín mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng). Ngoài ra ông D không có yêu cầu ông Q phải tiếp tục trả tiền lãi cho đến khi bản án có hiệu lực thi hành. Ngoài ra ông D yêu cầu Tòa án tiếp tục D trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2019/QĐ-BPKCTT ngày 02/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức để bảo đảm việc thi hành án.

Ý kiến của Luật sư là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu có trong hồ sơ vụ án có

cơ sở xác định vào ngày 23/4/2018 ông D và ông Q có thống nhất lại số tiền ông Q còn nợ ông D, sau đó cả hai cùng ký hợp đồng vay vốn cụ thể số tiền ông Q vay của ông D là 2.400.000.000 đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng), lãi suất cho vay là 2%/tháng, thời hạn vay hai bên không có thỏa thuận, tuy nhiên cả hai có thống nhất trong vòng một tháng nếu bên ông D thông báo thu hồi nợ số tiền gốc hoặc một phần số tiền gốc. Do ông Q không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi nên ông D có đơn khởi kiện. Vào ngày 09/3/2019 ông D có thực hiện việc thông báo thu hồi nợ thông qua Văn phòng Thừa phát lại quận Thủ Đức, tuy nhiên đến nay ông Q vẫn chưa thanh toán số tiền còn nợ cho ông D. Do vậy Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông D, buộc ông Lê Nhật Q phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Ngọc D số tiền vốn gốc là 2.400.000.000 đ và tiền lãi phát sinh là 529.500.000 đ trừ đi số tiền lãi đã nhận 36.000.000 đ còn lại 493.500.000 đ tổng cộng tiền vốn gốc và lãi là 2.893.500.000 đ (Hai tỷ tám trăm chín mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng). Thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, về việc tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, về thụ lý vụ án, ra thông báo thụ lý vụ án, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục của pháp luật quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa ông Nguyễn Ngọc D và ông Lê Nhật Q là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, ông Q có cư ngụ tại số 99/17/7 Đường V, khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, do hai bên không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án, ông Nguyễn Ngọc D là một bên đương sự trong vụ án, có đơn khởi kiện là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc D đối với ông Lê Nhật Q; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng vay vốn ngày 23/4/2018 được ký giữa ông Nguyễn Ngọc D với ông Lê Nhật Q được hai bên ký nhận không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền có nội dung:

Bên A (Bên cho vay) ông Nguyễn Ngọc D; số chứng minh nhân dân: 023610392; ngày cấp; 07/12/2011; nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: 649/56/1 Điện Biên Phủ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bên B (Bên vay) ông Lê Nhật Q; số chứng minh nhân dân: 024756617; ngày cấp; 02/7/2007; nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: 99/17/7 Đường V, khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh

Điều 1: số tiền cho vay, hạn trả.

1. Số tiền cho vay (bên B đã nhận đủ) 2.400.000.000 đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng)
2. Ngày trả nợ vay: trong vòng 01 tháng sau khi bên A thông báo thu hồi số tiền gốc hoặc một phần số tiền gốc.

Điều 2: Lãi suất cho vay và thu lãi.

1. Lãi suất cho vay 2% / tháng.
2. Tiền lãi sẽ được bên B thanh toán cho bên A mỗi 03 tháng tính từ kỳ trả lãi liền kề sau ngày ký hợp đồng này với chi tiết như sau:

Số tiền vay bên B đã nhận(VND)	Ngày trả lãi liền kề sau ngày ký hợp đồng	Số tiền lãi
600.000.000	03/5/2018	36.000.000
1.100.000.000	21/5/2018	66.000.000
400.000.000	04/6/2018	24.000.000
300.000.000	14/6/2018	18.000.000

Tổng cộng: 2.400.000.000 đ

3. Phương thức thanh toán lãi: tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Ngoài ra trong hợp đồng còn quy định quyền và nghĩa vụ của các bên và điều khoản cam kết chung.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng do bên B ông Lê Nhật Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận nên vào ngày 28/01/2019 ông Nguyễn Ngọc D đã gửi Thông báo đòi nợ cho ông Lê Nhật Q và vào ngày 09/3/2019 ông D đã yêu cầu Văn phòng thừa phát lại quận Thủ Đức lập vi bằng để thông báo về việc thu hồi nợ tại nơi cư trú của ông Lê Nhật Q, vi bằng số 358/2019/VB-TPLQ.TĐ ngày 12/3/2019. Sau khi có thông báo thu hồi nợ ông Q vẫn không thực hiện việc hoàn trả số tiền đã vay cho ông D, nên ông D có đơn khởi kiện. Căn cứ vào Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu đòi nợ của ông Nguyễn Ngọc D là có căn cứ.

Đối với bị đơn ông Lê Nhật Q Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông Q vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào phiếu yêu cầu xác minh của Công an phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức có nội dung “Đương sự Lê Nhật Q sinh năm 1972 có cư ngụ tại: 99/17/7 Đường V, khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, từ tháng 3/2019 đến nay đi đâu không rõ địa chỉ cụ thể” phù hợp với địa chỉ thường trú của ông Q tại Hợp đồng vay vốn. Như vậy ông Q đã thay đổi nơi cư trú, gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho ông D biết về nơi cư trú mới thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng đạt theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho ông Lê Nhật Q đến Tòa án để giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật, nhưng ông Q vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản hoặc chứng cứ, chứng minh hiện tại ông không còn nợ ông D số tiền vốn gốc là 2.400.000.000 đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh như đơn khởi kiện của ông D. Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, thì yêu cầu đòi nợ của ông D là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về số tiền lãi tại đơn khởi kiện ông D yêu cầu ông Q phải thanh toán tiền lãi theo hợp đồng là 2%/ tháng, tuy nhiên tại tòa hôm nay ông D chỉ yêu cầu ông Q thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 1,5% /tháng là có lợi và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Lê Nhật Q phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc D số tiền vốn gốc là 2.400.000.000 đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 493.500.000 đ (Bốn trăm chín mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tiếp tục D trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2019/QĐ-BPKCTT ngày 02/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức để bảo đảm việc thi hành án.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 ông Lê Nhật Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 89.870.000 đ (Tám mươi chín triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng). Ông Nguyễn Ngọc D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 44.420.000 đ (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0023845 ngày 20/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Nguyễn Ngọc D.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Lê Nhật Q phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc D số tiền vốn gốc là 2.400.000.000 đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh 493.500.000 đ (Bốn trăm chín mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng). Tổng cộng là: 2.893.500.000 đ (Hai tỷ tám trăm chín mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng)

Thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tiếp tục D trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2019/QĐ-BPKCTT ngày 02/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức để bảo đảm việc thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi, của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2-/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Nhật Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 89.870.000 đ (Tám mươi chín triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng). Ông Nguyễn Ngọc D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 44.420.000 đ (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0023845 ngày 20/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Nguyễn Ngọc D.

3-/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014”;

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THA dân sự Q.Thủ Đức;
- Các bên đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thu

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THA dân sự Q.Thủ Đức;
- Các bên đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu